TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 30 - 10 - 2019.
v/v "kiện xin ly hôn,
nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và ông Trịnh Văn Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp kiện xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Triệu Thị T, sinh năm 1981.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979.

Cùng nơi ĐKNKTT: Tổ 4, phường Minh K, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Cùng chỗ ở: Số nhà 18, đường Đ, tổ 3, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên toà có mặt chị T, anh C).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Triệu Thị T có quan điểm:

Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam vào ngày 24/7/2006 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Trước khi cưới hỏi và kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 04 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp anh C không quan tâm đến gia

đình vợ con lại còn có quan hệ với người con gái khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nay nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

* Tại bản tự khai và hòa giải anh Nguyễn Văn C có quan điểm:

Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, như chị Triệu Thị T khai là đúng. Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp từ năm 2018 đến nay vợ chồng đã ly thân không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý lý hôn với chị T.

Về con chung: Chị Triệu Thị T và anh Nguyễn Văn C đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 02/7/2007 (con trai) và cháu Nguyễn Việt D, sinh ngày 20/01/2012 (con trai). Nếu vợ chồng ly hôn cả chị T và anh C đều xin nuôi 02 con chung và không đề nghị bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất thự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn chị Triệu Thị T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Về con chung chị xin nuôi 02 con chung và đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng chị mỗi tháng là 7.000.000 đ/ cháu.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung anh xin nuôi 02 con chung và không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản, công nợ: Hai bên thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị T và anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao chị Triệu Thị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Việt D, sinh ngày 20/01/2012 (con trai). Giao anh Nguyễn Văn C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 02/7/2007 (con trai) cho đến khi cháu Việt D và cháu Việt Đ đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Triệu Thị T có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn là anh Nguyễn Văn C có nơi ĐKNKTT: Tổ 4, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam và chỗ ở: Số nhà 18, đường Đ, tổ 3, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam vào ngày 24/7/2006, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị T, Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi kết hôn vợ chồng chị Triệu Thị T và anh Nguyễn Văn C sống với nhau thời gian hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Hai bên đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống. Tuy thời gian chung sống đã lâu nhưng hai bên không thông cảm, quan tâm, chăm sóc

gia đình chung dẫn đến mâu thuẫn mà cả hai bên cùng thừa nhận. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị T, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh C là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 02/7/2007 (con trai) và cháu Nguyễn Việt D, sinh ngày 20/01/2012 (con trai). Xét nguyện vọng muốn được nuôi con chung của chị T và anh C khi vợ chồng ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng được nuôi con chung của chị T và anh C là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác xét về tất cả các điều kiện nuôi dậy, kinh tế, chỗ ăn ở của anh C và chị T là ngang nhau do đó cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Việt D và giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Việt Đ là phù hợp với thực tế và pháp luật. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4]Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

[5]Về án phí: Chị T và anh C phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị T và anh Nguyễn Văn C.

[2] Về con chung: Giao chị Triệu Thị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Việt D, sinh ngày 20/01/2012 (con trai). Giao anh Nguyễn Văn C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 02/7/2007 (con trai) cho đến khi cháu D và cháu Đ đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

[3] Án phí: Chị Triệu Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ. Anh Nguyễn Văn C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ. Chị Triệu Thị T được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0002121 ngày 13/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Triệu Thị T được nhận lại 150.000đ.

Về quyền kháng cáo: chị Triệu Thị T và anh Nguyễn Văn C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã N, huyện Lý N, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Duy